



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Lầu 14 Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé,

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3911 8014 – Fax: (84-8) 2220 1209

Website: www.ors.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 04 năm 2016

MỤC LỤC

Thông điệp của Hội Đồng Quản Trị	1
I. Thông tin chung	2
1. Tầm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi	2
2. Thông tin khái quát	2
3. Lịch sử phát triển	3
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	4
5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	5
6. Định hướng phát triển	8
7. Các rủi ro	8
II. Quan hệ cổ đông	9
1. Thông tin chung về cổ phiếu	9
2. Cơ cấu cổ đông	9
3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	9
4. Giao dịch cổ phiếu quỹ	9
5. Các chứng khoán khác	9
6. Hoạt động quan hệ cổ đông trong năm 2015	9
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	10
1. Những điểm nhấn	10
2. Những thuận lợi và khó khăn	10
3. Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	11
4. Đánh giá các hoạt động kinh doanh chính	12
5. Đánh giá tình hình tài chính	15
6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	18
7. Kế hoạch phát triển trong năm 2016	18
8. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán.....	19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	19
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2015	19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	19
3. Chiến lược phát triển thời gian tới	20
V. Quản trị công ty	21
1. Hội đồng quản trị	21
2. Ban Kiểm soát	22
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	23
VI. Báo cáo tài chính	24

THÔNGIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thay mặt Hội đồng Quản trị, Tôi xin gửi đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, các cơ quan hữu quan, và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) lời cảm ơn chân thành nhất vì đã hỗ trợ và hợp tác cùng ORS nhiều năm qua.

Năm 2015 thế giới đã trải qua các cơn khủng hoảng nối tiếp nhau, khiến các chính phủ và người dân sợ hãi, thất vọng. Trong đó nổi bật phải kể đến như vấn đề khủng hoảng người tị nạn ở Châu Âu, cuộc nội chiến tại Syria ...

Dưới tác động đa chiều của những diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước và Thế giới, đã gây ảnh hưởng rất lớn đến xu hướng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Chỉ số VN-Index và HNX-Index đã có sự phục hồi và tăng trưởng khá tốt trong nửa đầu năm. Tuy nhiên, sau đó thị trường cũng nhanh chóng lao dốc và tạo đáy thấp nhất trong năm (24/8), trước áp lực phải giảm giá mạnh Việt Nam đồng của Ngân hàng nhà nước, sau khi Chính phủ Trung Quốc thực hiện phá giá đồng nhân dân tệ. Mặc dù ghi nhận nỗ lực tăng điểm của cả 2 chỉ số vào cuối năm nhưng xu hướng chính vẫn chưa làm nhà đầu tư lạc quan. Phiên giao dịch cuối năm, chỉ số VN-Index đạt 579,03 điểm tăng 6,12% so với cuối năm 2014, trong khi chỉ số HNX-Index đạt 79,96 điểm giảm 3,64% so với cuối năm 2014.

Riêng bộ máy ORS được tái cấu trúc theo hướng tinh gọn, hiệu quả cùng với chính sách đầu tư minh bạch đã mang lại kết quả khả quan. Trong năm 2015, ORS đã tiến hành thoái vốn các khoản đầu tư dài hạn kém hiệu quả nhằm tái cơ cấu danh mục đầu tư và tăng thêm vốn lưu động. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 của ORS đã có những cải thiện rõ nét, hoàn thành vượt mức kế hoạch năm đã đề ra. Kết quả đạt được cho thấy sự nỗ lực của tập thể ORS và minh chứng cho chính sách hoạt động đúng hướng của Công ty.

Sang năm 2016, Công ty nhận định nền kinh tế vẫn còn nhiều thách thức, với khoản lỗ lũy kế hơn 50% Vốn điều lệ của các năm trước vẫn tiếp tục là rào cản trong việc triển khai và phát triển các dịch vụ hoạt động của công ty. HĐQT và Ban Điều hành ORS cam kết năm 2016 sẽ tiếp tục nỗ lực vượt qua mọi thách thức để giữ vững sự ổn định và phát triển trong hoạt động của Công ty, thực hiện tốt các chỉ tiêu do ĐHCĐ giao, không ngừng nỗ lực tối ưu hóa lợi nhuận cho các cổ đông, gia tăng giá trị cho đối tác và nhà đầu tư, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể cán bộ nhân viên công ty trên cơ sở hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển bền vững.

Hội đồng quản trị ORS rất mong nhận được sự ủng hộ, hợp tác cũng như tâm huyết đồng hành, gắn bó lâu dài của Quý cổ đông, đối tác và toàn thể CBNV.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH



PHAN VŨ TUẤN

I. Thông tin chung

1. Tầm nhìn – sứ mệnh – giá trị cốt lõi

➤ Tầm nhìn

Trở thành định chế tài chính uy tín, gắn bó chặt chẽ với quyền lợi của khách hàng.

➤ Sứ mệnh

Thực hiện các dịch vụ tài chính và chứng khoán, trực tiếp tham gia đầu tư chứng khoán hiệu quả nhằm gia tăng lợi ích cho các cổ đông, khách hàng, người lao động và phục vụ cho sự phát triển chung của thị trường chứng khoán.

➤ Giá trị cốt lõi

Tại ORS, chúng tôi luôn luôn giữ vững 5 giá trị cốt lõi để ứng biến trước mọi biến động của thị trường:

✓ Trân trọng khách hàng

Sự hài lòng của khách hàng là thành công của ORS. Công ty nỗ lực mang lại giá trị vượt hơn mong đợi của khách hàng.

✓ Giữ chữ tín

Uy tín là nền tảng tích lũy giá trị bền vững, dẫn đến thành công.

✓ Cải tiến bản thân

Tập thể ORS không ngừng thử lửa, đúc kết kinh nghiệm và học hỏi.

✓ Tư duy cộng tác

1 cộng 1 có thể lớn hơn 2 gấp nhiều lần! Nhân viên ORS luôn luôn sát cánh cùng đồng nghiệp, đối tác để chinh phục những đỉnh cao giá trị.

✓ Tôn vinh hiệu quả

Chú trọng phát triển nhân lực chuyên nghiệp, trách nhiệm và chủ động - mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng, công ty và cổ đông.

2. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) được thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số: 4103005822 ngày 28/12/2006 của Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM và hoạt động theo Quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 của UBCKNN với số vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng. Các cổ đông sáng lập là các tổ chức tài chính lớn, có tiềm lực về vốn, nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và tài chính như: Ngân hàng TMCP Phương Đông, Công ty CP Dịch vụ Sài Gòn (Savico), Tổng công ty Bến Thành (Sunimex)... Trải qua 9 năm hoạt động, ORS không ngừng phát triển với quy mô vốn điều lệ tăng lên 240 tỷ đồng, Công ty đã chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 49/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/12/2006.

- Vốn điều lệ: 240.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 240.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 08 - 39118014
- Số fax: 08 - 22201209
- Website: www.ors.com.vn
- Mã cổ phiếu: **ORS**

3. Lịch sử phát triển

Công ty cổ phần chứng khoán Phương Đông (ORS) ra đời trong giai đoạn thị trường chứng khoán Việt Nam bước vào giai đoạn bùng nổ, bản thân ORS cũng liên tục phát triển và mở rộng quy mô và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh sự khởi sắc của thị trường, trong giai đoạn thị trường đi xuống, ORS không tránh khỏi những tác động tiêu cực, đặc biệt là trong khâu quản trị rủi ro còn hạn chế, điều này là khó tránh khỏi với những Công ty chứng khoán quy mô vừa và nhỏ (ngay bản thân các công ty lớn cũng gặp phải). Sự tinh gọn quy mô hoạt động của ORS là kết quả tất yếu.

Xuyên suốt quá trình phát triển, những dấu mốc quan trọng của ORS thể hiện cụ thể như:

- | | |
|---------|--|
| 12/2006 | Nhận Giấy chứng nhận ĐKKD số 4103005822 ngày 28/12/2006 do Sở KH&ĐT cấp. Nhận Giấy phép hoạt động kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29/12/2006 do UBCKNN cấp |
| 02/2007 | Trở thành Thành viên Trung tâm Lưu ký chứng khoán |
| 05/2007 | Trở thành Thành viên Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán TP. HCM và Hà Nội |
| 09/2007 | Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ lên 120 tỷ đồng và thành lập Đại lý nhận lệnh Hà Nội |
| 12/2007 | Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng |
| 01/2008 | Thành lập Chi nhánh Cần Thơ và Đại lý nhận lệnh TP. Biên Hòa |
| 02/2008 | Thành lập Phòng Giao dịch Tân Bình và đưa vào hoạt động dịch vụ giao dịch trực tuyến |
| 09/2009 | Nâng cấp Phòng Giao dịch Tân Bình thành Chi nhánh Tân Bình |
| 01/2010 | Thành lập Chi nhánh Đồng Biên tại TP. Biên Hòa |
| 04/2010 | Thành lập Chi nhánh Hà Nội |
| 06/2010 | Thành lập Phòng Giao dịch Thành Công |
| 07/2010 | Niêm yết cổ phiếu ORS tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội |
| 08/2010 | Thành lập Chi nhánh Gia Định |
| 10/2010 | Đổi tên Phòng Giao dịch Thành Công thành Phòng Giao dịch Bến Thành |
| 12/2010 | Đổi tên Chi nhánh Đồng Biên thành Chi nhánh Đồng Nai |
| 07/2011 | Chuyển Chi nhánh Gia Định về Hội sở |

10/2011	Chuyển Chi nhánh Cần Thơ về Hội sở
04/2012	Chuyển Chi nhánh Đồng Nai về Hội sở
08/2012	Chuyển Phòng Giao dịch Bến Thành về Hội sở
01/2013	Chuyển Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Tân Bình về Hội sở. Thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng tinh gọn mạng lưới, cắt giảm chi phí hoạt động để ổn định bộ máy, vượt qua khó khăn, tiếp tục tăng trưởng và phát triển bền vững.
09/2015	Chuyển Hội sở từ 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tiếp tục quá trình tái cấu trúc Công ty theo hướng phát triển ổn định, đáp ứng được tình hình cạnh tranh và nhu cầu của khách hàng, tại cuộc họp Đại hội đồng thường niên năm 2015 ngày 17/04/2015, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua chủ trương Hợp nhất/Sáp nhập với một vài công ty chứng khoán khác. Ban điều hành đã xúc tiến triển khai tích cực một số phương án để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 thông qua kế hoạch chi tiết. Sự thay đổi này với hy vọng đem lại diện mạo mới cho Công ty, cổ đông và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty.

4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của ORS tiếp tục tập trung vào dịch vụ đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp phép hoạt động: Môi giới chứng khoán, tự doanh, Tư vấn đầu tư, lưu ký chứng khoán.

✓ Hoạt động môi giới chứng khoán

Hoạt động môi giới chứng khoán trải qua 9 năm không ngừng phát triển, đội ngũ môi giới giàu kinh nghiệm. Các hoạt động môi giới gồm: Tư vấn mở tài khoản giao dịch, tư vấn giao dịch, cung cấp hỗ trợ thông tin về thị trường và cổ phiếu, hoạt động thanh toán. Tính tới ngày 31/12/2015, tổng số tài khoản giao dịch là 9.415 tài khoản. Trong đó có 9.350 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước, 49 tài khoản nhà đầu tư tổ chức trong nước, 14 tài khoản cá nhân nước ngoài và 2 tài khoản tổ chức nước ngoài, tăng 80 tài khoản so với năm 2014.

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Để phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh, hoạt động tự doanh tiếp tục là giải pháp hiệu quả để ORS nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn tự có. Năm 2015 mặc dù tỷ trọng doanh thu chỉ đứng thứ 2 (năm 2014 dẫn đầu) nhưng hiệu quả ổn định vẫn đáp ứng được kỳ vọng Ban lãnh đạo đặt ra. Bên cạnh đó, các giao dịch của hoạt động tự doanh luôn tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành.

✓ **Hoạt động tư vấn:** Bao gồm các hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn khác. Các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như: Tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn huy động vốn, tư vấn mua bán sáp nhập...

✓ Hoạt động lưu ký chứng khoán: Bao gồm:

+ Quản lý sổ cổ đông cho doanh nghiệp chưa niêm yết/đăng ký giao dịch: Quản lý sổ cổ đông, thực hiện việc chốt quyền, chuyển nhượng quyền mua, thay đổi thông tin, cấp sổ, thanh toán cổ tức.

+ Hoạt động lưu ký giao dịch: Quản lý tiền và chứng khoán; Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán; Chuyển nhượng quyền mua chứng khoán; Thực hiện quyền.

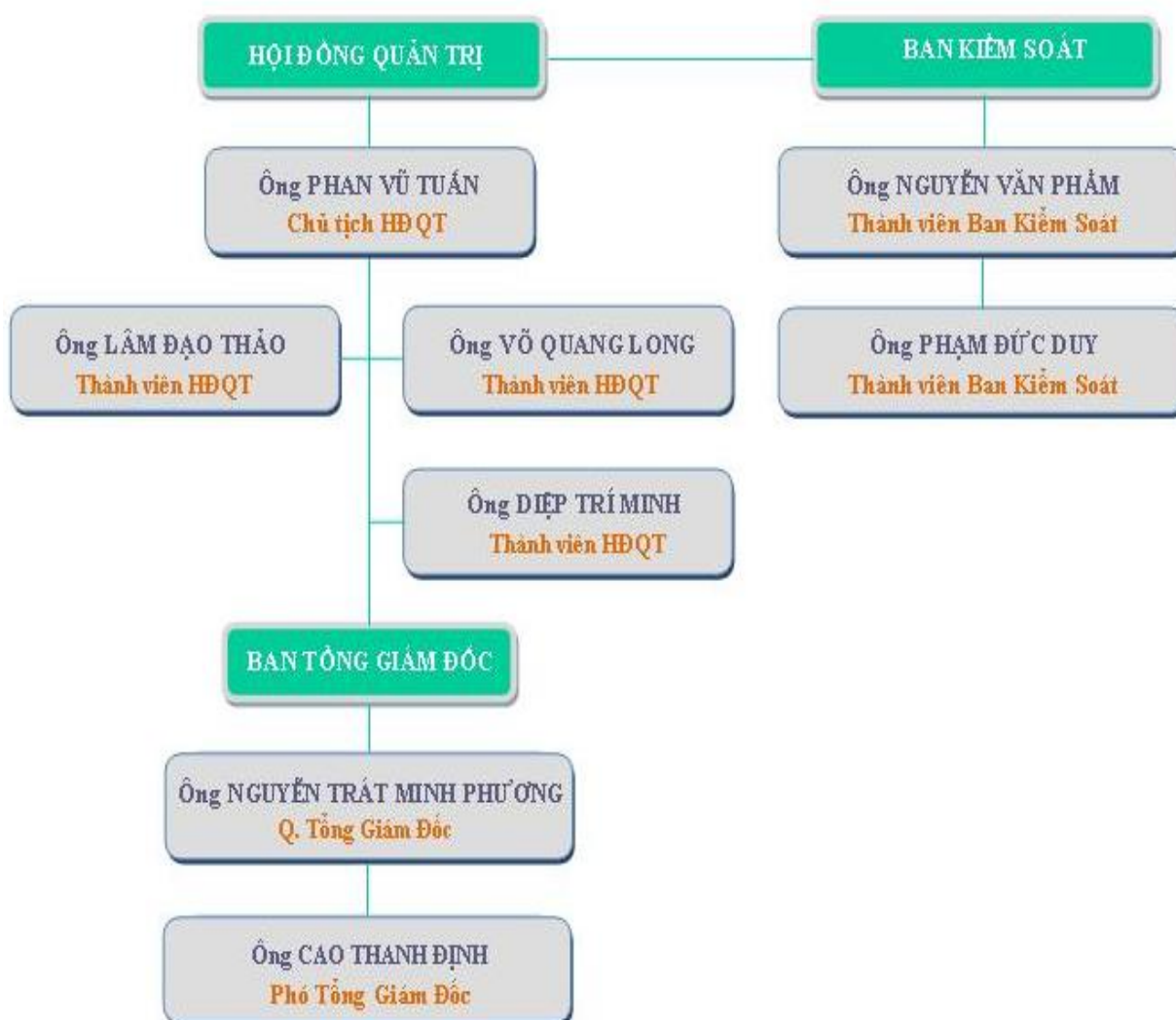
5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

5.1. Mô hình quản trị.

ORS hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cơ cấu quản trị được thể hiện cụ thể như trong sơ đồ sau:



5.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.



Hội đồng quản trị

Ông Phan Vũ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Phan Vũ Tuấn có 15 năm kinh nghiệm quản lý và hơn 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Hiện tại, ông còn đang là Phó giám đốc CTCP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Hoàn Lộc Việt. Trước đó, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng như: Giám đốc chi nhánh tại Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB); Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh Tp. HCM tại CTCP Chứng khoán Quốc tế VN (VIS); Tổng giám đốc CTCP Quản lý quỹ Lộc Việt.

Ông Lâm Đạo Thảo – Thành viên thường trực HĐQT

Với 20 năm kinh nghiệm quản lý, Ông Lâm Đạo Thảo đã từng nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt tại các doanh nghiệp như Phó Chủ tịch thứ nhất kiêm Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Phó Tổng Giám Đốc - Ngân hàng TMCP Nam Á, Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh thành viên thường trực HĐQT.

Ông Võ Quang Long – Thành viên HĐQT

Ông Võ Quang Long đã có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ông từng giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Công ty Quản lý quỹ ACB và Ngân hàng TMCP Phát triển nhà. Hiện tại, Ông Long đang giữ chức vụ Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng TMCP Phương Đông. Ông tham gia HĐQT ORS với chức danh Thành viên HĐQT.

Ông Diệp Trí Minh – Thành viên HĐQT

Ông Diệp Trí Minh tốt nghiệp Cao học chuyên ngành Kinh tế Phát triển tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, Ông Minh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán và giữ các chức vụ quan trọng trong các công ty chứng khoán như: Giám đốc Phát triển kinh doanh – Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Tourist; Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng khoán Phương Đông; Tổng Giám Đốc Công ty Cp Chứng Khoán Phương Đông.

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Phẩm – Thành viên Ban kiểm soát

Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán Ông Nguyễn Văn Phẩm đã từng giữ vị trí Kế toán trưởng tại nhiều doanh nghiệp. Hiện nay Ông là Trưởng Ban kiểm soát tại Công ty CP Văn hóa Tổng hợp Bến Thành và đồng thời giữ vị trí Thành viên Ban kiểm soát tại ORS.

Ông Phạm Đức Duy – Thành viên Ban kiểm soát

Ông Phạm Đức Duy tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh. Ông được bầu là thành viên Ban Kiểm soát - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông nhiệm kỳ II (2011- 2016) vào ngày 28/05/2013. Ông có gần 10 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Hiện ông đang làm việc tại phòng Đầu tư của Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Ban điều hành

Ông Nguyễn Trát Minh Phương – Quyền Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trát Minh Phương được bổ nhiệm chức vụ Quyền Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng khoán Phương Đông từ ngày 15/07/2015. Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Với 14 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, Ông được xem là người có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò Kế toán trưởng tại Công ty Phước Thạnh và Anpha T&M Express; Phó Tổng Giám đốc ORS. Hiện Ông đang giữ vị trí Quyền Tổng Giám đốc ORS.

Ông Cao Thanh Định – Phó Tổng Giám đốc

Ông Cao Thanh Định tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh; Thạc sỹ - Trung tâm Đào tạo Pháp – Việt về quản lý (CFVG). Với 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, Ông được xem là người có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò Giám đốc Tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank, Chi nhánh TP. HCM; Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh TP. HCM; Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Bảo hiểm Nhân thọ Bảo Minh – CMG; Giám đốc Đầu tư và Dịch vụ Tài chính Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á; Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á; Tổng

Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam. Hiện Ông đang giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh ORS.

5.3. Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

6. Định hướng phát triển (2016-2020)

Với tình hình hiện tại, quy mô vốn nhỏ, lỗ lũy kế từ hoạt động kinh doanh cao, các dịch vụ kinh doanh bị hạn chế, Ban lãnh đạo Công ty đã đề ra chiến lược phát triển cho giai đoạn 2016-2020 như sau:

- Tiến hành hợp nhất với một công ty chứng khoán khác trong năm 2016;
- Tăng vốn điều lệ đủ để đáp ứng cung cấp các dịch vụ cạnh tranh cho khách hàng.
- Nâng cao chất lượng toàn diện các dịch vụ kinh doanh chuyên sâu, phát triển và cung cấp các tiện ích giao dịch cho khách hàng tốt nhất.
- Mở rộng mạng lưới các chi nhánh, trung tâm hỗ trợ giao dịch.
- Xây dựng đội ngũ tư vấn chuyên nghiệp.
- Nâng cao chất lượng hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống giám sát và quản trị nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững.
- Phấn đấu lọt vào top 10 các công ty chứng khoán có thị phần môi giới cao nhất và top 10 các công ty chứng khoán về thị phần giao dịch sản phẩm phái sinh.
- Xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp, sự tương tác và hỗ trợ giữa các cấp, các bộ phận, các cá nhân đạt được sự đoàn kết và hiệu quả cao nhất.
- Thành lập bộ phận chuyên trách, phụ trách các hoạt động cộng đồng, nhằm truyền tải thông điệp lợi ích công ty gắn liền với lợi ích cộng đồng và xã hội.

7. Các rủi ro:

7.1. Rủi ro thị trường: Các rủi ro thị trường tác động tới hoạt động của ORS: giá cổ phiếu, lãi suất.

- **Giá cổ phiếu:** Sự biến động của giá cổ phiếu ảnh hưởng tới giá trị danh mục đầu tư cũng như kết quả lời lỗ của hoạt động đầu tư. Thị trường năm 2015 diễn biến không thật sự ổn định, với chính sách đầu tư rõ ràng, tập trung nhóm cổ phiếu tốt và thời gian đầu tư ngắn đã hạn chế rủi ro và đảm bảo được hiệu quả lợi nhuận đầu tư như kế hoạch đề ra. Nghiên cứu và nắm bắt rõ hoạt động kinh doanh của các cổ phiếu đầu tư, tập trung nhóm cổ phiếu có sự tăng trưởng mạnh kinh doanh cốt lõi tốt hoặc duy trì mức ổn định cao là mục tiêu ORS hướng tới để hạn chế rủi ro biến động giá cổ phiếu.

- **Lãi suất:** Lãi suất biến động thất thường sẽ ảnh hưởng tới các khoản tiền gửi có kỳ hạn của ORS. Năm 2015, lãi suất tiền gửi có kỳ hạn liên tục thấp đã ảnh hưởng lớn tới khoản thu nhập từ tiền gửi có kỳ hạn ngắn của ORS. Để hạn chế rủi ro từ lãi suất, ORS đã chủ động cơ cấu tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn ổn định hơn.

7.2. Rủi ro thanh khoản: Xảy ra khi ORS không thực hiện được các nghĩa vụ thanh toán cho nhà đầu tư khi mua cổ phiếu cũng như các khách hàng, đối tác. Hoạt động rủi ro này là khá thấp khi ORS đã xây dựng và thực hiện tuân thủ tốt các quy chế quản trị rủi ro, quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư.

7.3. Rủi ro tuân thủ: Rủi ro tuân thủ diễn ra khi các cá nhân, bộ phận trong ORS thực hiện không đúng các quy định, quy trình đã đề ra. Mức độ rủi ro này ở mức thấp vì bộ phận pháp chế và quản lý rủi ro tiến hành kiểm tra giám sát hàng ngày.

7.4. Rủi ro pháp lý: Xảy ra khi công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiện tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được bộ phận pháp chế và quản trị rủi ro giám sát thường xuyên, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện.

7.5. Rủi ro hoạt động: Diễn ra do các yếu tố bên trong và bên ngoài ORS. Các yếu tố bên trong như: Cơ cấu tổ chức, quy trình, con người, hệ thống công nghệ thông tin. Các yếu tố bên ngoài như: Tắc nghẽn hệ thống đường truyền hệ thống giao dịch tại các sở giao dịch, thiên tai, hỏa hoạn,..

II. Quan hệ cổ đông

1. Thông tin chung về cổ phiếu:

- ✓ Tổng số cổ phiếu: 24.000.000 cổ phiếu
- ✓ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- ✓ Loại cổ phiếu: Phổ thông và tự do chuyển nhượng

2. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 31/12/2015):

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên	4	5.358.000	22,33
2	Cổ đông nắm giữ từ 1% tới 5%	16	11.130.800	46,38
3	Cổ đông nắm giữ dưới 1%	1.208	7.511.200	31,29
Tổng cộng		1.228	24.000.000	100

Cơ cấu cổ đông theo địa lý:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
I	Trong nước:	1.228	24.000.000	100
	- Cá nhân	1.227	22.800.000	95%
	- Tổ chức	1	1.200.000	5%
II	Nước ngoài:	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		1.228	24.000.000	100

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Hoạt động quan hệ cổ đông trong năm 2015

- Năm 2015, ORS thực hiện tốt các hoạt động liên quan tới cổ đông. Bộ phận quan hệ cổ đông được thành lập, chuyên trách xử lý các vấn đề liên quan tới cổ đông, điều

này góp phần cho việc minh bạch hóa thông tin tới cổ đông, các cơ quan chức năng và cộng đồng nhà đầu tư.

- Hoạt động công bố thông tin: Các thông tin liên quan tới toàn bộ hoạt động kinh doanh của ORS được công bố nhanh chóng, kịp thời trên website của ORS và các kênh thông tin theo quy định, thông tin được truyền tải tới cổ đông nhanh chóng, chính xác và nắm bắt kịp thời.

- Hoạt động cung cấp thông tin theo yêu cầu: Các thông tin thắc mắc của cổ đông yêu cầu và phù hợp với quy định về quyền hạn của cổ đông đều được ORS cung cấp và thông báo kịp thời cho cổ đông đúng thời gian quy định.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc năm 2015

1. Những điểm nhấn:

- Tái cơ cấu bộ máy hoạt động ổn định và hiệu quả: Các hoạt động chính được triển khai đồng bộ với đội ngũ nhân sự trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm lâu năm, tạo tiền đề cho định hướng chiến lược phát triển dài hơi.
- Rà soát, cập nhật và nâng cấp các quy định, quy trình thủ tục: Đảm bảo mọi hoạt động diễn ra nhanh đúng quy định, và hiệu quả.
- Lợi nhuận: 3,8 tỷ đồng, vượt 101% kế hoạch.
- Tỷ lệ ATTC tại ngày 31.12.2015 đạt 254,52% (tối thiểu trên 180%).
- Tài sản, nguồn vốn tính đến hết 31/12/2015, tổng tài sản của ORS đạt 484,63 tỷ đồng, giảm nhẹ 1,35% so với năm trước.
- Thu hồi được một số khoản nợ khó đòi nên vốn chủ sở hữu tăng 4,68% so với cùng kỳ năm 2014.

2. Những thuận lợi và khó khăn

2.1. Thuận lợi:

- Thị trường chứng khoán Việt Nam phục hồi khá tốt trong nửa năm đầu và các chính sách vĩ mô tích cực đã giúp cho hoạt động kinh doanh của ORS trong năm 2015 có dấu hiệu khởi sắc so với năm 2014. Trong đó, khả quan nhất là hoạt động thu hồi nợ mang lại lợi nhuận chủ yếu cho công ty và hoạt động tự doanh được BĐH thoái những khoản đầu tư dài hạn ít hiệu quả mà công ty nắm giữ đã lâu.

- Bên cạnh đó, nhờ sự quan tâm kịp thời của HĐQT, đội ngũ nhân sự công ty trong năm đã được cơ cấu theo hướng tập trung vào từng hoạt động kinh doanh, với cơ chế gọn nhẹ, chủ động trong công việc, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

2.2. Khó khăn:

- Song song với việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua, năm 2015 ORS cũng tiếp tục thực hiện tái cấu trúc theo định hướng của HĐQT.

- Vụ đại án Huyền Như tuy đã phát sinh tình huống thuận lợi cho ORS bằng việc Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm đồng thời điều tra lại, xem xét trách nhiệm của Vietinbank đối với nhóm 5 công ty, trong đó có công ty chứng khoán Phương Đông. Tuy nhiên, thời gian của vụ kiện vẫn tiếp tục kéo dài và khả năng thu hồi vốn của ORS vẫn còn nhiều khó khăn.

- Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh trên thị trường chứng khoán Việt Nam ngày càng khốc liệt. Ngoài hoạt động tự doanh, tiền gửi là nguồn thu chính của công ty, công ty chứng khoán Phương Đông cần một sự cải tổ mạnh về cơ chế, về nguồn vốn nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong các lĩnh vực tư vấn tài chính, thông qua việc cải thiện vị thế của công ty trong ngành và lĩnh vực môi giới, thông qua việc cung cấp dịch vụ giao dịch tốt nhất nhằm thu hút nhà đầu tư.

3. Đánh giá chung kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2015 thể hiện cụ thể trong các chỉ tiêu như bảng dưới đây:

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Thực hiện 2015	% 2015/2014	% Kế hoạch
Tổng doanh thu	11.937	17.000	7.915	66,31	46,56
Tổng chi phí	11.635	15.115	3.776	32,45	24,98
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	302	1.885	4.139	1.370,53	219,58
Thu nhập khác	383	-	118	30,81	-
Chi phí khác	40	-	453	1.132,5	-
Lợi nhuận trước thuế	645	1.885	3.804	589,77	201,80
Lợi nhuận sau thuế	645	1.885	3.804	589,77	201,80

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 và 2015)

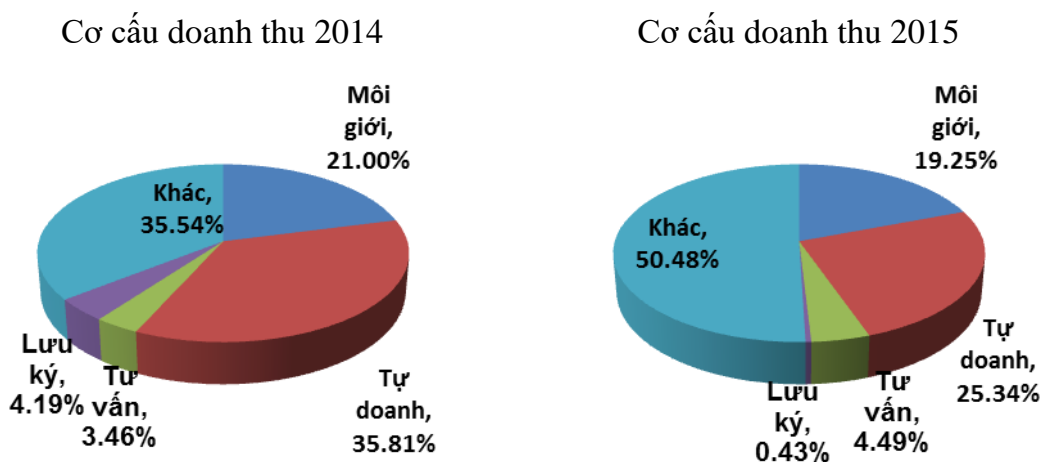
Tổng doanh thu chỉ đạt 46,56%, nguyên nhân là do tình hình thị trường chứng khoán năm 2015 biến động không thật sự tích cực. Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh ngày càng gay gắt, điều kiện công ty chưa thể cạnh tranh về sản phẩm dịch vụ với nhiều đối thủ lớn.

Tuy nhiên, tổng chi phí chỉ bằng 24,98% kế hoạch, con số này thấp hơn nhiều với con số tương ứng kết quả đạt doanh thu, điều này góp phần giúp cho lợi nhuận ròng đạt 201,8% so với kế hoạch đề ra. Đây là thành quả của quá trình tái cấu trúc bộ máy hoạt động tinh gọn, hiệu quả, đúng theo định hướng ban lãnh đạo đã đề ra.

Về cơ cấu doanh thu:

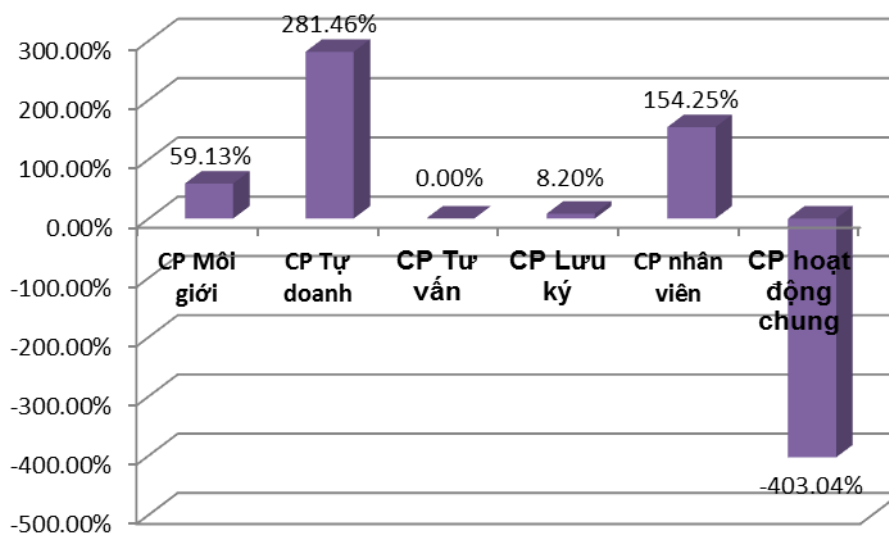
- Trong năm 2015, các hoạt động chính của công ty như môi giới và hoạt động đầu tư có sự sụt giảm ít nhiều. Doanh thu môi giới giảm 39,22%, doanh thu hoạt động đầu tư giảm 53,07% so với cùng kỳ năm 2014.

- Cùng với doanh thu hoạt động khác trong đó chủ yếu là lãi tiền gửi, hoạt động môi giới và hoạt động đầu tư là ba mũi nhọn chiếm tỷ trọng lớn nhất, khoảng 94.37%, trong cơ cấu doanh thu năm 2015.



Về cơ cấu chi phí:

- Tổng chi phí năm 2015 của Công ty chứng khoán Phương Đông là 3,77 tỷ đồng, giảm 67,55% so với cùng kỳ năm 2014 (trường hợp nếu không tính hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi thì tổng chi phí của năm 2015 là 26,2 tỷ, tăng gấp hơn 2 lần so với cùng kỳ năm trước). Trong năm, công ty đã được hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán cho hoạt động đầu tư là 51,27 tỷ đồng và hoàn nhập dự phòng khoản phải thu là 22,44 tỷ đồng.



Biểu đồ từng loại chi phí so với tổng chi phí 2015

4. Đánh giá các hoạt động kinh doanh chính:

4.1. Hoạt động môi giới chứng khoán

Chỉ tiêu	2014	2015	2015/2014 (%)
Doanh thu môi giới	2.507	1.532	-38.89

Lợi nhuận môi giới	292	(709)	-
Số lượng tài khoản	9.331	9.415	100.90
Nhà đầu tư cá nhân trong nước	9.270	9.350	100.86
Nhà đầu tư tổ chức trong nước	48	49	100.02
Nhà đầu tư cá nhân nước ngoài	12	14	116.66
Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài	1	2	200.00
Giá trị giao dịch (triệu đồng)	1.481.480	957.942	64.66
Doanh thu (triệu đồng)	2.507	1.532	61.10

Tính đến ngày 31/12/2015, Công ty Chứng khoán Phương Đông có tổng cộng 9.415 tài khoản giao dịch. Trong đó có 9.350 tài khoản của nhà đầu tư cá nhân trong nước, 49 tài khoản nhà đầu tư tổ chức trong nước, 14 tài khoản cá nhân nước ngoài và 2 tài khoản tổ chức nước ngoài, tăng 80 tài khoản so với năm 2014. Tổng giá trị giao dịch hơn 957 tỷ đồng giảm 38,89% so với cùng kỳ 2014, mang lại cho ORS hơn 1,5 tỷ đồng doanh thu phí giao dịch.

Doanh thu môi giới sụt giảm mạnh do tình hình thị trường chứng khoán không thuận lợi, các dịch vụ cạnh tranh còn hạn chế dẫn tới việc thu hút khách hàng mở tài khoản giao dịch không cao.

4.2. Hoạt động đầu tư tài chính

Doanh thu hoạt động tự doanh năm 2015 đạt 2 tỷ đồng, giảm 53,07% so với cùng kỳ 2014. Chi phí tự doanh khoảng 48,9 tỷ đồng, chủ yếu là do bán các cổ phiếu OTC gồm: lỗ bán OCB 30,9 tỷ, VASS 3,4 tỷ, DFC 1,7 tỷ, Tín Nghĩa 2,3 tỷ, hầu hết các cổ phiếu này đã được trích lập dự phòng từ những năm trước, tuy nhiên tổng kết cả năm hoạt động tự doanh của công ty vẫn lỗ 8,6 tỷ đồng.

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015
Doanh thu	4.274	2.006
Chi phí	17.132	48.914
Chi phí dự phòng	(15.852)	(38.287)
Lãi/lỗ từ HĐ Tự doanh	2.994	(8.621)

Danh mục đầu tư:

Tính đến hết ngày 31/12/2015, tổng danh mục đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Công ty chứng khoán Phương Đông khoảng 29,3 tỷ đồng. Trong năm công ty đã thực hiện thoái hết danh mục OTC ngắn hạn và dài hạn của các năm trước được hơn 52 tỷ đồng.

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	Tăng/giảm (%)
Đầu tư ngắn hạn	6.458	12.678	96,31
CK thương mại	7.642	13.171	72,35
Dự phòng giảm giá	(1.184)	(493)	-58,36
Đầu tư dài hạn	22.786	12.100	-46,90
CK sẵn sàng để bán	68.562	16.130	-76,47
Dự phòng giảm giá	(45.776)	(4.030)	-91,20

Tổng cộng	29.244	24.778	-15,27
------------------	---------------	---------------	---------------

4.3. Hoạt động phân tích và tư vấn tài chính

Hoạt động tư vấn: Trong năm 2015, Công ty đã tiến hành rà soát lại chất lượng cũng như tiến độ các hợp đồng cũ, đã tiến hành thanh lý 17 hợp đồng tư vấn, ghi nhận doanh thu 34 triệu đồng. Bên cạnh đó, việc xây dựng và phát triển lại hoạt động tư vấn tài chính bước đầu đang đem lại hiệu quả nhất định trong quý 4/2015, với số hợp đồng ký mới là 02 hợp đồng với tổng giá trị 140 triệu đồng (đang triển khai thực hiện và ghi nhận doanh thu trong năm 2016) và đang đàm phán tiếp một số hợp đồng có giá trị khác. Bước đầu bộ phận tư vấn đã được cơ cấu ổn định về mặt nhân sự và chuyên môn, tạo tiền đề và nền tảng phát triển vững mạnh về sau.

Hoạt động phân tích: Do chiến lược tập trung mạnh vào việc tạo doanh thu nên các báo cáo phân tích hỗ trợ kinh doanh cụ thể là đầu tư, tư vấn, môi giới được nâng cao về cả tần suất lẫn chất lượng. Trung bình hàng tháng phòng Phân Tích - Đầu Tư và Tư Vấn tiến hành phân tích, lập báo cáo và trình 2 – 3 doanh nghiệp mới, trong đó 20% tờ trình được duyệt để tiến hành các thủ tục đầu tư.

Ngoài ra, phòng Phân Tích-Đầu Tư và Tư Vấn cũng thực hiện các báo cáo hàng tuần, hàng ngày về tình hình thị trường trong cũng như ngoài nước. Các thông tin tài chính kinh tế lớn trong ngày cũng được cập nhật liên tục trên website, cung cấp cho nhà đầu tư nhiều thông tin quan trọng và góp phần quảng bá hình ảnh của công ty.

4.4. Các hoạt động khác

Hoạt động đào tạo nhân sự

- Trong năm 2015, ORS tiếp tục duy trì bộ máy kinh doanh tinh gọn, bổ sung thêm các vị trí quản lý cấp cao và cấp trung có chất lượng, tập trung đẩy mạnh phát triển mảng kinh doanh. ORS duy trì cơ cấu tổ chức phát triển nguồn lực theo chiều sâu, chú trọng nhân sự đa năng, đa nhiệm, một người có thể làm được nhiều việc khác nhau. Qua đó, Công ty có thể giảm chi phí song không mất đi các chức năng, công năng vốn có.

- Xây dựng cơ chế lương, thưởng theo hiệu suất để nâng cao năng suất lao động, thu hút nhân tài, chuẩn bị cho định hướng phát triển kinh doanh trong thời gian tới của ORS.

- Ngoài ra, ORS cũng tập trung đẩy mạnh công tác đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ cho nhân viên, cụ thể trong năm ORS đã cho nhân viên theo học các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề còn thiếu.

- Trong năm 2015 ORS đã hoàn thành việc thuê mặt bằng và di dời trụ sở công ty về địa chỉ mới Tầng 14 Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng.

Hoạt động công nghệ thông tin

Năm 2015 với nhiều thay đổi lớn trong hoạt động công ty, phòng Công nghệ thông tin đã phối hợp với các phòng ban liên quan thực hiện một số công việc như sau:

- Phối hợp với phòng Hành chính Nhân sự thực hiện việc di dời sang địa điểm mới, đảm bảo Hệ thống giao dịch được thông suốt, không xảy ra sai sót; đảm bảo hệ thống Công nghệ đúng với tất cả Quy định của Ủy ban Chứng khoán và 02 Sở giao dịch Chứng khoán.

- Cùng phòng Hành chính triển khai hệ thống quản lý Tài sản công ty thông qua chức năng mã vạch, giúp kiểm kê tài sản công ty nhanh chóng và chính xác.

- Cùng Phòng Kế toán triển khai hệ thống Bravo nhằm đáp ứng các Quy định Kế toán 2016 của Bộ tài chính.

- Nâng cấp hệ thống Giao dịch trực tuyến tại công ty cho phù hợp với những thay đổi của 02 Sở Giao dịch như: thay đổi ngày giao dịch từ T+3 về T+2; cập nhật hệ thống cảnh báo giao dịch từ HNX, tránh tối đa các sai sót về lệnh giao dịch trên sàn HNX.

- Thực hiện tốt công tác vận hành, quản lý hạ tầng, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, hỗ trợ kịp thời cho các bộ phận nghiệp vụ khác và nhà đầu tư.

Hoạt động kế toán và quản lý nguồn vốn

- Trong năm qua, đây là một trong những hoạt động có đóng góp đáng kể trong tổng thu nhập của công ty. Thu lãi tiền gửi trong năm 2015 đạt VND 3,9 tỷ, đạt 177% kế hoạch đặt ra đầu năm. Bộ phận quản trị nguồn vốn đã xây dựng được quy trình quản lý nguồn vốn, đồng thời tìm kiếm thêm nhiều đối tác mới để tối đa hóa thu nhập từ nguồn tiền nhàn rỗi của ORS. Nguồn tiền phục vụ đầu tư, kinh doanh cũng như chi phí hoạt động được đảm bảo ở mức vừa đủ nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng vốn của công ty.

- Bộ phận kế toán thực hiện tốt các báo cáo quản trị nội bộ, các báo cáo cho các cơ quan quản lý, tham vấn kịp thời cho Ban điều hành trong việc quản trị nguồn vốn.

Hoạt động pháp chế và kiểm soát nội bộ: Trong năm 2015, công tác kiểm tra kiểm soát hoạt động kinh doanh được thực hiện thường xuyên; gắn liền với các quy trình hoạt động của công ty; các thiếu sót, được giảm thiểu rất nhiều so với thời gian trước. Pháp chế luôn tư vấn và tham gia vào việc hiệu chỉnh cải tiến quy trình của các phòng ban.

5. Đánh giá tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

a) Tình hình hoạt động kinh doanh và tài sản chung:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	Đồng	491.276.879.165	484.634.561.614	-1,35%
Vốn chủ sở hữu	Đồng	85.091.368.434	81.287.166.836	-4,47%
Doanh thu thuần	Đồng	11.936.662.507	7.914.771.903	-33,69%
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	Đồng	2.506.940.444	1.523.634.845	-39,22%
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Đồng	4.274.424.573	2.005.824.810	-53,07%
- Doanh thu hoạt động tư vấn	Đồng	499.742.237	34.090.909	-93,18%

- Doanh thu lưu ký chứng khoán	Đồng	413.135.576	355.491.289	-13,95%
- Doanh thu khác	Đồng	4.242.419.677	3.995.730.050	-5,81%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	301.755.870	4.139.066.279	1.271,66%
Lợi nhuận khác	Đồng	343.715.053	(334.864.681)	-197,43%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	645.470.923	3.804.201.598	489,37%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	645.470.923	3.804.201.598	489,37%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2014	Năm 2015	Tăng/giảm (%)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,13	1,16	3,16
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,13	1,16	3,16
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	83,45	82,44	(1,21)
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	504,37	469,55	(6,9)
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)		-	-	-
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	2,43	1,63	(32,78)
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,41	48,06	788,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,79	4,47	463,02
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,13	0,78	497,45
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,53	52,30	1.968,63

5.2. Đánh giá tình hình tài sản

Cơ cấu tài sản thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2015	Tỷ lệ tăng/giảm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	462.029.985.285	94,05%	464.464.619.464	95,84%	0,53%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	408.740.943.430	88,47%	417.532.648.157	89,90%	2,15%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	44.457.886.589	9,62%	39.677.688.869	8,54%	-10,75%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8.457.939.046	1,83%	6.938.062.163	1,49%	-17,97%
IV. Tài sản ngắn hạn khác	373.216.220	0,08%	316.220.275	0,07%	-15,27%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	29.246.893.880	5,95%	20.169.942.150	4,16%	-31,04%
I. Tài sản cố định	2.955.124.493	10,10%	2.029.878.521	10,06%	-31,31%
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	22.785.747.201	77,91%	12.100.000.000	59,99%	-46,90%
III. Tài sản dài hạn khác	3.506.022.186	11,99%	6.040.063.629	29,95%	72,28%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	491.276.879.165	100%	484.634.561.614	100%	-1,35%

- Tình hình tài sản năm 2015 của ORS có sự dịch chuyển khi tài sản ngắn hạn tăng nhẹ 0,53% tương ứng 2.434.634.179 đồng thì tài sản dài hạn giảm mạnh 31,04% tương ứng giảm **9.076.951.730** đồng. Tổng tài sản giảm 1,35%, điều này là do tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu tới 95,84%. Sự dịch chuyển này đến từ việc cơ cấu lại danh mục đầu tư của Công ty nhằm hạn chế rủi ro và tăng hiệu quả đầu tư.

- Tài sản dài hạn giảm mạnh ở các mục: Tài sản cố định giảm 31,31%, Các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm 46,9%. Trong khi tài sản dài hạn khác tăng mạnh 72,28%.

- Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác đều giảm khá tương ứng 10,75%, 17,97%, 15,27%. Trong khi khoản tiền và các khoản tương đương tiền tăng nhẹ 2,15%. Tuy nhiên do khoản tiền và các khoản tương đương tiền chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn nên đã kéo khoản mục này tăng nhẹ 0,53%.

5.3. Đánh giá tình hình nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Đvt: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Tỷ trọng 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2015	Tỷ lệ tăng/giảm
A. NỢ PHẢI TRẢ	409.989.712.329	83,45%	399.543.193.180	82,44%	-2,55%
I. Nợ ngắn hạn	409.989.712.329	100%	399.543.193.180	100%	-2,55%
II. Nợ dài hạn					
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	81.287.166.836	16,55%	85.091.368.434	17,56%	4,68%

I. Vốn chủ sở hữu	81.287.166.836	100%	85.091.368.434	100%	4,68%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	491.276.879.165	100%	484.634.561.614	100%	-1,35%

- Trong cơ cấu nguồn vốn của ORS, Nợ phải trả năm 2015 chiếm tỷ trọng chủ yếu tới 82,44%. Trong khi nguồn vốn chủ sở hữu chỉ chiếm 17,56%. Tổng nợ ngắn hạn 2015 có sự sụt giảm nhẹ 2,55% trong khi nguồn vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng nhẹ 4,68%.

- Trong tổng nợ của ORS, toàn bộ là nợ ngắn hạn, trong đó khoản nợ do nhận từ ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện hợp đồng môi giới trái phiếu chiếm tới 380 tỷ đồng, tương ứng 95,1%. Khoản nợ này có liên quan tới khoản tiền gửi quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Khoản nợ ngắn hạn 380 tỷ đồng này được Ban lãnh đạo Công ty xem xét trên khía cạnh thận trọng trong giới hạn kiểm soát được, hiện đang tiến hành triển khai các bước tiếp theo để xử lý hoàn tất.

- Nguồn vốn chủ sở hữu có sự tăng trưởng nhẹ 4,68% do tình hình kinh doanh năm 2015 có sự tăng trưởng tốt về lợi nhuận, tăng 101,8% so với 2014.

5.4. Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái:

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh không chịu sự chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái do không sử dụng tới ngoại tệ.

5.5. Cơ cấu tài sản – nguồn vốn

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015
I	I. Cơ cấu tài sản			
1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	94,05	95,84
2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	5,95	4,16
II	II. Cơ cấu nguồn vốn			
1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	83,45	82,44
2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	16,55	17,56

- Cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu vào tài sản ngắn hạn chiếm 95,84%, trong đó khoản mục tiền và tương đương tiền chiếm tỷ trọng chủ yếu là 89,89%.

- Về cơ cấu nguồn vốn: Tổng nợ chiếm tỷ trọng chủ yếu 82,44%, trong đó 100% là nợ ngắn hạn.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Với mục tiêu thay đổi cho phù hợp với tình hình hiện tại, Công ty đã thông qua một loạt các chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh năng suất và hoạt động hiệu quả kinh doanh, tiết kiệm chi phí. Công ty đã dời trụ sở chính về địa điểm mới tốt hơn, ban hành chính sách lương thưởng theo hiệu suất, cơ cấu lại ban Tổng giám đốc, triển khai mạnh lại hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp. Bộ phận môi giới được nâng cấp chuyên môn cao thường xuyên. Hoạt động đầu tư, Công ty hướng tới các khoản đầu tư ngắn hạn và hiệu quả.

7. Kế hoạch phát triển trong năm 2016

7.1. Mục tiêu chính trong năm 2016

Với số lỗ lũy kế tính đến hết tháng 12/2015 là 205,96 tỷ đồng, dự kiến công ty phải mất nhiều năm để có thể xóa khoản lỗ nói trên. Đồng thời, với số lỗ lũy kế này cũng là lý do chính gây khó khăn cho công ty trong việc thực hiện các nghiệp vụ hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư, cũng như trong việc phát triển khách hàng. Với lý do đó, mục tiêu chính trong năm 2016 được đề ra như sau:

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiến hành sáp nhập/ hợp nhất nhằm xây dựng một định chế mới với tình hình tài chính lành mạnh, tạo bước đà thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh của công ty.
- Tiếp tục thực hiện thanh toán các khoản đầu tư dài hạn nhằm nâng cao lượng tiền mặt phục vụ cho các hoạt động dịch vụ và nắm bắt cơ hội đầu tư khi thị trường diễn biến thuận lợi.
- Tìm kiếm cơ hội tăng doanh thu, cắt giảm chi phí nhằm cân đối thu chi.

7.2. Kế hoạch tài chính năm 2016

Mặc dù tình hình giao dịch thị trường chứng khoán vẫn còn nhiều khó khăn từ những ngày đầu tiên của năm 2016, tuy nhiên, dựa trên nền tảng của việc đổi mới và bổ sung lực lượng kinh doanh có năng lực và kinh nghiệm, đồng thời phát huy những thế mạnh và tích lũy đã được triển khai trong nửa cuối năm 2015, Ban điều hành ORS mạnh dạn xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2016 như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2015	KH 2016	%KH/2015
Tổng Doanh thu	7.915	17.700	223.63
Tổng chi phí	3.776	15.700	415.78
Lợi nhuận trước thuế	3.804	2.000	-52.57

8. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính 2015 được kiểm toán chấp thuận toàn phần.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2015

Trong năm vừa qua, các thành viên Hội đồng Quản trị cùng Ban Điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã có những quyết tâm và nỗ lực vượt bậc trong mọi mặt hoạt động của công ty, điều đó được thể hiện rõ ở kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015 (Công ty đã hoàn thành đạt 201% kế hoạch lợi nhuận 2015), quản trị theo đúng định hướng mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của Công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Ban hành Chính sách quản lý rủi ro 2015;
- Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ máy Điều hành ORS;
- Ban hành Quy chế chi hoa hồng giới thiệu dự án và thưởng vượt kế hoạch kinh doanh tại ORS;
- Kế hoạch tổ chức và thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015;
- Thông qua việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán BCTC cho năm 2015;

- Thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty gồm 3 Khối: Khối Kinh doanh; Khối Hỗ trợ; Khối QTRR.
- Thành lập Phòng Phân tích, đầu tư và tư vấn trực thuộc Khối Kinh doanh (trên cơ sở gộp 3 Phòng trước đây thuộc mô hình tổ chức cũ).
- Thành lập Phòng Kiểm soát nội bộ trực thuộc Khối Quản trị rủi ro – CTCP Chứng khoán Phương Đông.
- Kế hoạch Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Công ty;
- Thông qua Phương án xử lý và thu hồi một số khoản công nợ còn tồn đọng tại ORS;
- Ủy quyền hạn mức phán quyết đầu tư chứng khoán niêm yết;
- Tham gia đấu giá mua cổ phần; Thoái vốn cổ phiếu do ORS đang nắm giữ;
- HĐQT thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc đối với (Ông) Diệp Trí Minh kể từ ngày 15/07/2015.
- HĐQT cũng đã nhất trí bổ nhiệm (Ông) Nguyễn Trát Minh Phương (chức danh hiện tại: Phó Tổng Giám Đốc) đảm nhận chức danh Quyền Tổng Giám Đốc từ ngày 15/07/2015 (thời hạn bổ nhiệm 01 năm).
- HĐQT bổ nhiệm (Ông) Cao Thanh Định đảm nhận chức danh Phó Tổng Giám Đốc từ ngày 15/07/2015 (thời hạn bổ nhiệm 01 năm).
- Ban hành các chính sách như: Quy chế Đầu tư; Quy chế Hoa hồng môi giới chứng khoán ;
- Công tác kiểm kê, đánh giá, thanh lý tài sản công cụ dụng cụ sau khi công ty chuyển về trụ sở mới hoạt động.
- HĐQT thường xuyên theo dõi, giám sát và có những định hướng chỉ đạo đối với việc quản lý và điều hành hoạt động của Ban Tổng giám đốc để đảm bảo thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết/Quyết định của HĐQT.
- HĐQT định kỳ hàng tháng tổ chức các phiên họp để chỉ đạo và giải quyết kịp thời các vấn đề của Công ty trong phạm vi thẩm quyền.

Thông qua các mặt hoạt động trong năm 2015, Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực của ban Tổng giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, tuân thủ các quy định cũng như định hướng phát triển chung đã được đề ra.

3. Chiến lược phát triển thời gian tới

- Tiếp tục tìm kiếm đối tác tiến hành sáp nhập/ hợp nhất nhằm xây dựng một định chế mới với tình hình tài chính lành mạnh, tạo bước đà thuận lợi cho việc phát triển kinh doanh của công ty. Với chiến lược hoạt động kinh doanh phù hợp, linh hoạt trong từng giai đoạn, thích ứng với những biến động của thị trường trong và ngoài nước.

- Nâng cao năng lực quản trị và điều hành trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, quy trình, quy chế phù hợp với điều kiện, quy mô của Công ty cũng như xu thế phát triển chung.

- Đẩy mạnh công tác truyền thông quảng bá hình ảnh của công ty, tích cực tìm kiếm các cơ hội, mở rộng mối quan hệ nhằm kết nối với các khách hàng tiềm năng, tìm kiếm cơ hội tăng doanh thu. Tập trung theo định hướng ưu tiên phát triển khách hàng

cá nhân và tổ chức trong nước, tranh thủ hợp tác với các đối tác để từng bước tiếp cận và phát triển khách hàng nước ngoài, đặc biệt là khách hàng từ Thái Lan, Nhật Bản.

- Tăng cường hoạt động quản trị rủi ro, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ; xây dựng cơ chế quản lý rủi ro nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của công ty và pháp luật.

- Hoàn thiện nền tảng công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm chiến lược, nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng giao dịch, trên cơ sở đảm bảo an toàn cho công ty. Cải tiến và bổ sung các chức năng và tiện ích trên itrade, mobile,... nhằm kích thích khách hàng giao dịch và thu hút thêm các khách hàng mới.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nhân sự, đặc biệt chú trọng đào tạo về năng lực quản trị, điều hành đối với các cấp quản lý, tăng cường công tác đào tạo nội bộ về chuyên môn nghiệp vụ, các chương trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp hiện đại – chuyên nghiệp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị

Cơ cấu thành viên và tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ tới hết ngày 31/12/2015 như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Hình thức	Sở hữu cổ phần ORS (%)
01	Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Không thường trực	0
02	Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên HĐQT	Thường trực	1,67
03	Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	Không thường trực	0
04	Ông Diệp Trí Minh	Thành viên HĐQT	Không thường trực	0

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2015:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
01	Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%
02	Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên TT HĐQT	09/11	82%
03	Ông Võ Quang Long	Thành viên HĐQT	11/11	100%
04	Ông Diệp Trí Minh	Thành viên HĐQT	09/11	82%

- Trong năm 2015 HĐQT đã tổ chức 11 phiên họp định kỳ và không định kỳ nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh

của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Đa số các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung cuộc họp có sự tham gia của thành viên Ban Kiểm soát cùng tham dự. Các quyết định được thông qua tại phiên họp đều thống nhất ý kiến 100% của các thành viên HĐQT tham dự. Các cuộc họp đều được chuẩn bị chu đáo và tiến hành hết sức nghiêm túc, đảm bảo thời lượng và chất lượng, các nội dung đều mang tính thời sự và thiết thực kịp thời định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty. Về cơ bản trong năm 2015 HĐQT đã quyết định kịp thời và đúng đắn các chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh của Công ty phù hợp với chủ trương chính sách của Nhà nước và bối cảnh chung của thị trường chứng khoán. Tuân thủ các quy định của pháp luật đối với nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin của tổ chức niêm yết/công ty đại chúng, định kỳ 06 tháng và hàng năm HĐQT có thực hiện nghĩa vụ báo cáo UBCK, các Sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem các báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó nâng cao tính công khai minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

- Để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật, HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ, quyết định HĐQT nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, minh bạch, tuân thủ đúng quy định pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty.

- Thực hiện chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế tổ chức hoạt động Hội đồng quản trị và quy định pháp luật có liên quan.

Các quyết định của Hội đồng quản trị: Trong năm 2015, Hội đồng quản trị ban hành 58 nghị quyết để điều hành sát sao toàn bộ các hoạt động của công ty, các quyết định liên quan tới nhân sự, đầu tư, quy trình nghiệp vụ, xử lý công nợ khách hàng, hợp đồng dịch vụ,...

Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty: Không có

b) Tiểu ban Hội đồng quản trị: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Sở hữu cổ phần ORS (%)
01	Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	0
02	Phạm Đức Duy	Thành viên	0

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã tham dự đa số các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của Hội đồng quản trị.

–Phối hợp với Ban Điều hành giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty cũng như việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2015.

–Đánh giá và hệ thống các rủi ro để ban hành Chính sách Quản trị rủi ro chặt chẽ, sâu sát, phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời, kiểm tra việc thực hiện quản trị rủi ro trong công ty để duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo đúng quy định pháp luật.

–Tiến hành một số kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh, tính hợp lý trong việc phân bổ các nguồn lực, cơ cấu nhân sự và thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ, Báo cáo tài chính năm. Đồng thời kiểm tra các chứng từ kế toán trong năm.

–Thực hiện giám sát, kiểm tra tình hình tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các Quy chế, Quy trình nội bộ...

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát với số tiền chi trả nằm trong kế hoạch thù lao năm 2015 đã được ĐHĐCĐ thông qua. Mức lương cụ thể như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị: 06 triệu đồng/tháng
- + Các Thành viên Hội đồng quản trị: 05 triệu đồng/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát thứ nhất: 03 triệu đồng/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát thứ hai: 01 triệu đồng/tháng
- + Ban Tổng giám đốc: 959.544.000 đồng
- + Cán bộ quản lý (Không bao gồm ban Tổng giám đốc): 1.905.015.000 đồng

Tổng mức lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác đã thực hiện cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Bộ phận	Kế hoạch 2015 (VNĐ)	Thực hiện 2015 (VNĐ)
Hội đồng Quản trị	600.000.000	600.000.000
Ban kiểm soát	100.000.000	100.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
		Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Ngân hàng TMCP Phương Đông	2.640.000	11,00%	0	0	Thoái vốn theo Công văn CBTT 148/2015/ORS-CV ngày 10/09/2015
2	Công ty CP ĐT TM&DV Hoàn Lộc Việt	0	0	1.200.000	5,00%	
3	Hà Đức Cường	0	0	1.440.000	6,00%	
4	Mai Thanh Thanh	0	0	1.518.000	6,33%	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hoạt động quản trị công ty được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

VI. Báo cáo tài chính 2015

Nội dung Báo cáo tài chính 2015 bao gồm:

- ✓ Thông tin chung
- ✓ Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- ✓ Báo cáo kiểm toán độc lập
- ✓ Bảng cân đối kế toán
- ✓ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- ✓ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- ✓ Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
- ✓ Thuyết minh báo cáo tài chính

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Đời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có chi nhánh và phòng giao dịch.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng quản trị trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Phan Vũ Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2014
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Võ Quang Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 7 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2011
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2013

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</i>
Ông Nguyễn Trát Minh Phuong	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Ông Cao Thanh Định	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính là Ông Phan Vũ Tuấn, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Nguyễn Trát Minh Phuong được Ông Phan Vũ Tuấn ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo Giấy Ủy quyền số 26/2015/QĐ-HĐQT ngày 15 tháng 7 năm 2015.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

3. Báo cáo kiểm toán độc lập



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61240646/18182178

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông ("Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến loại trừ nhưng lưu ý người đọc đến *Thuyết minh số 4 – Tiền* và các khoản tương đương tiền. Theo đó, Công ty có một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011. Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá "Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản" và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm soát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại. Theo các quy định của pháp luật hình sự và tố tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được một doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó vào ngày 4 tháng 3 năm 2015.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Nguyễn Quốc Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1841-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

4. Bảng cân đối kế toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

B01-CTCK

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		464.464.619.464	462.029.985.285
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	417.532.648.157	408.740.943.430
111	1. Tiền		16.532.648.157	8.718.123.986
112	2. Tương đương tiền		401.000.000.000	400.022.819.444
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	39.677.688.869	44.457.886.589
121	1. Đầu tư ngắn hạn		40.170.937.617	45.641.972.753
122	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(493.248.748)	(1.184.086.164)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	6.938.062.163	8.457.939.046
132	1. Trả trước cho người bán ngắn hạn		324.711.176	32.890.000
135	2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		5.197.170.021	3.329.392.770
138	3. Phải thu ngắn hạn khác		45.617.516.990	87.443.651.332
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(44.201.336.024)	(82.347.995.056)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		316.220.275	373.216.220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	153.880.575	198.611.220
155	2. Tài sản ngắn hạn khác	9	162.339.700	174.605.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		20.169.942.150	29.246.893.880
220	I. Tài sản cố định		2.029.878.521	2.955.124.493
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.267.763.321	1.166.520.328
222	- Nguyên giá		4.871.484.295	7.213.042.288
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.603.720.974)	(6.046.521.960)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	762.115.200	1.788.604.165
228	- Nguyên giá		7.013.017.564	7.488.985.064
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.250.902.364)	(5.700.380.899)
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	6	12.100.000.000	22.785.747.201
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		16.130.000.000	68.562.171.856
254	- Chứng khoán sẵn sàng để bán		16.130.000.000	68.562.171.856
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.030.000.000)	(45.776.424.655)
260	III. Tài sản dài hạn khác		6.040.063.629	3.506.022.186
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.863.680.956	40.184.092
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	13	3.567.525.113	3.373.838.094
268	3. Tài sản dài hạn khác	14	608.857.560	92.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		484.634.561.614	491.276.879.165

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		399.543.193.180	409.989.712.329
310	I. Nợ ngắn hạn		399.543.193.180	409.989.712.329
313	1. Người mua trả tiền trước		149.125.000	116.625.000
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	302.372.244	207.685.311
315	3. Phải trả người lao động		335.613.641	4.470.641
316	4. Chi phí phải trả	16	703.879.753	123.522.721
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.042.881.280	5.826.660.535
320	6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	394.972.233.525	401.559.274.504
321	7. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		2.036.853.619	2.151.239.499
323	8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		234.118	234.118
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		85.091.368.434	81.287.166.836
410	I. Vốn chủ sở hữu		85.091.368.434	81.287.166.836
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	240.000.000.000	240.000.000.000
411a	- Cổ phiếu có đóng góp quyền biểu quyết		240.000.000.000	240.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000
417	3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198
420	4. Lỗ lũy kế		(205.956.521.764)	(209.760.723.362)
420a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(209.760.723.362)	(210.406.194.285)
420b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.804.201.598	645.470.923
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		484.634.561.614	491.276.879.165

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
006	1. Chứng khoán lưu ký	544.640.690.000	694.300.370.000
	<i>Trong đó:</i>		
007	1.1. Chứng khoán giao dịch	471.252.540.000	489.279.120.000
008	1.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	4.493.040.000	9.862.890.000
009	1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	466.185.270.000	478.230.500.000
010	1.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	574.230.000	1.185.730.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	73.388.150.000	205.021.250.000
013	1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	20.000
014	1.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	73.388.150.000	205.021.230.000
082	2. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	1.618.610.000	1.618.610.000

Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập

Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B02-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
01	1. Doanh thu		7.914.771.903	11.936.662.507
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.523.634.845	2.506.940.444
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		2.005.824.810	4.274.424.573
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		34.090.909	499.742.237
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		355.491.289	413.135.576
01.9	Doanh thu khác	20	3.995.730.050	4.242.419.677
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	216.000
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		7.914.771.903	11.936.446.507
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh	21	15.072.059.097	5.581.960.059
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		(7.157.287.194)	6.354.486.448
25	5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	(11.296.353.473)	6.052.730.578
30	6. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.139.066.279	301.755.870
31	7. Thu nhập khác		118.417.319	383.542.273
32	8. Chi phí khác		453.282.000	39.827.220
40	9. Lợi nhuận khác		(334.864.681)	343.715.053
50	10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.804.201.598	645.470.923
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23.1	-	-
60	12. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.804.201.598	645.470.923
70	13. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	26	158,51	26,89
70	14. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	26	158,51	26,89

Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập

Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kê toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B03-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.804.201.598	645.470.923
02	2. Điều chỉnh cho các khoản			
	- Khấu hao và hao mòn	21, 22	1.311.345.972	1.389.864.530
03	- Hoàn nhập các khoản dự phòng	21, 22	(64.872.262.071)	(17.999.442.574)
05	- Lỗ từ hoạt động đầu tư		33.930.379.175	9.081.559.642
06	- Chi phí lãi vay	21	8.303.333	1.612.500
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(25.818.031.993)	(6.880.934.979)
09	- Giảm các khoản phải thu		25.174.813.464	58.536.693.184
10	- Giảm/(tăng) đầu tư ngắn hạn		5.471.035.136	(44.192.059.241)
11	- Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(10.541.206.082)	(45.574.084.259)
12	- Tăng chi phí trả trước		(1.778.766.219)	(108.384.586)
13	- Tiền lãi vay đã trả		(8.303.333)	(11.116.035.051)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	-
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(701.726.503)	(23.367.296)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.202.185.530)	(49.358.172.228)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(386.100.000)	(1.252.404.545)
22	2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		114.181.819	363.636.364
23	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(16.130.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		30.208.139.056	23.960.540.404
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.187.669.382	7.032.471.166
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		16.993.890.257	30.104.243.389

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		10.800.000.000	18.900.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.800.000.000)	(18.900.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần/(sử dụng vào) trong năm		8.791.704.727	(19.253.928.839)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	28.740.943.430	47.994.872.269
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	37.532.648.157	28.740.943.430



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

B05-CTCK

VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn cổ phần	19	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lỗi lũy kế		(210.406.194.285)	(209.760.723.362)	645.470.923	-	3.804.201.598	-	(209.760.723.362)	(205.956.521.764)
TỔNG CỘNG		80.641.695.913	81.287.166.836	645.470.923	-	3.804.201.598	-	81.287.166.836	85.091.368.434



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2015

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 49/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
72/UBCK-GPĐCCTCK	06/09/2007	Tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng
100/UBCK-GPĐCCTCK	28/12/2007	Tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 240 tỷ đồng
30/GPĐC-UBCK	14/11/2014	Thay đổi người đại diện pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn
46/GPĐC-UBCK	20/10/2015	Đời trụ sở chính về Tầng 14, tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 14, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không có chi nhánh và phòng giao dịch.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 28 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 29 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hoặc “VND”) phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 sửa đổi Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ một số thay đổi như sau:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kinh tế có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015. Những thay đổi quan trọng theo Thông tư 200 bao gồm:

▶ Thuyết minh về thanh lý tài sản cố định:

Thu nhập khác và chi phí khác từ thanh lý tài sản cố định được trình bày bằng số thuần trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▶ Thuyết minh bổ sung yêu cầu cho việc trình bày các báo cáo tài chính:

- Đầu tư tài chính: thuyết minh chi tiết cho các khoản đầu tư chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư đầu tư.
- Các khoản phải thu: thuyết minh chi tiết các khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải thu.
- Nợ khó đòi: thuyết minh chi tiết thời gian, số tiền quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng, lãi phạt chậm nộp và khả năng thu hồi của những khoản nợ quá hạn, nợ chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư nợ khó đòi.
- Nợ được xóa sổ: thuyết minh chi tiết theo nguyên tắc và VND các khoản nợ đã được xóa sổ trong vòng 10 năm và lý do xóa sổ.
- Xây dựng cơ bản dở dang: thuyết minh chi tiết các khoản xây dựng cơ bản dở dang chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư xây dựng cơ bản dở dang.
- Các khoản phải trả: thuyết minh chi tiết các khoản phải trả chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng số dư phải trả theo nhà cung cấp và lý do quá hạn của những khoản phải trả quá hạn.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: thuyết minh các khoản chi phí chiếm tỷ trọng từ 10% trở lên trong tổng chi phí quản lý doanh nghiệp.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các chuẩn mực và quy định đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2014/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán phù hợp hơn với các Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Thông tư quy định các nội dung liên quan đến chứng từ kế toán, tài khoản kế toán và phương pháp kế toán, sổ kế toán, mẫu báo cáo tài chính, phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 và thay thế Thông tư số 95/2008/TT-BTC (“Thông tư 95”) ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Những thay đổi quan trọng trong Thông tư 210 bao gồm:

- ▶ Thay đổi trong hình thức của các báo cáo tài chính. Báo cáo thu nhập toàn diện, báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động môi giới và vốn ủy thác của nhà đầu tư được trình bày riêng như một phần của các báo cáo tài chính cơ bản.
- ▶ Tài sản tài chính được phân thành bốn (4) loại là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Việc đo lường đối với mỗi loại tài sản tài chính như sau:
 - Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
 - Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;
 - Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ theo phương pháp lãi suất hiệu dụng;

Ngoài ra, các khoản cho vay được phân loại thành năm (5) nhóm và trích lập dự phòng cụ thể theo tỷ lệ dự phòng tương ứng cho từng nhóm.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn thanh toán (*Thuyết minh số 4*).

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “*Chi phí quản lý doanh nghiệp*” trong năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Phần mềm tin học	3 - 5 năm

3.8 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 12 đến 36 tháng vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.10 Đầu tư chứng khoán

Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

3.10.1 Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đây là những khoản đầu tư vào những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

3.10.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán chủ yếu là các chứng khoán vốn được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch liên quan trực tiếp đến việc mua. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu có bằng chứng khách quan cho thấy sự giảm giá trị chứng khoán.

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn (tiếp theo)

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Công ty không thực hiện trích lập dự phòng cho các chứng khoán không có đủ ba (03) báo giá hoặc không có giao dịch trong vòng một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Các chứng khoán khác mà không có báo giá thì được ghi nhận theo giá trị ghi sổ.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Lợi ích của nhân viên

3.13.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.13.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.15 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu tự doanh.

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

3.17 Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<u>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</u>	<u>Mức trích lập tối đa</u>
--	--	-----------------------------

Quỹ dự phòng tài chính	5%	10% vốn điều lệ
------------------------	----	-----------------

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông phù hợp với các quy định pháp lý có liên quan.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch giá rẻ) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>(Trình bày lại -</u>
		<u>Thuyết minh số 30)</u>
		<u>VND</u>
Tiền mặt	3.223.178	5.476.309
Tiền gửi ngân hàng	402.557.191.454	394.436.680.617
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	14.972.233.525	14.298.786.504
<i>Trong đó: Tiền gửi của nhà đầu tư (Thuyết minh số 18)</i>	<i>11.675.585.000</i>	<i>14.298.786.504</i>
TỔNG CỘNG	417.532.648.157	408.740.943.430

Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 2014 bao gồm một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam từ năm 2011.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi này có liên quan đến vụ án Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, hiện đang được cơ quan chức năng điều tra, truy tố và xét xử lại. Ngày 7 tháng 1 năm 2015, Tòa án Nhân dân Tối cao đã tuyên Bản án Hình sự Phúc thẩm, theo đó, Hội đồng xét xử đã nhận định và đánh giá “Hành vi phạm tội của bị cáo Như có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản” và hủy một phần bản án hình sự sơ thẩm đã xử bị cáo Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông và giao hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân tối cao để chuyển cơ quan điều tra Bộ Công An điều tra, truy tố xét xử lại.

Theo các quy định của pháp luật hình sự và tổ tụng hình sự đối với một vụ án đã được điều tra lại, việc xác định trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý của các bên liên quan chỉ được thực hiện khi vụ án đã được xét xử, có phán quyết cụ thể và bản án có hiệu lực. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty đang chờ các bước điều tra, xét xử tiếp theo liên quan đến vụ án. Do đó, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho các khoản tiền gửi này và tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà sự việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên các báo cáo tài chính.

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền và các khoản tương đương tiền không bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn, chi tiết như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>(Trình bày lại -</i> <i>Thuyết minh số 30)</i> <i>VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền trên bảng cân đối kế toán	417.532.648.157	408.740.943.430
Trừ: Các khoản tiền gửi ngân hàng đã quá hạn thanh toán	(380.000.000.000)	(380.000.000.000)
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	37.532.648.157	28.740.943.430

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng</i> <i>giao dịch thực hiện</i> <i>trong năm</i> <i>(đơn vị)</i>	<i>Giá trị</i> <i>giao dịch thực hiện</i> <i>trong năm</i> <i>(VND)</i>
a. Của Công ty		
- Cổ phiếu	4.113.400	76.466.262.000
b. Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	76.277.790	881.475.624.800
TỔNG CỘNG	80.391.190	957.941.886.800

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số lượng (đơn vị)	Giá trị theo sổ sách kế toán (VND)	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)
			Tăng (VND)	Giảm (VND)	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	449.304	40.170.937.617	28.207.731	(493.248.748)	39.705.896.600
Cổ phiếu niêm yết	449.304	13.170.937.617	28.207.731	(493.248.748)	12.705.896.600
Tiền gửi có kỳ hạn	-	27.000.000.000	-	-	27.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	1.600.000	16.130.000.000		(4.030.000.000)	12.100.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.600.000	16.130.000.000		(4.030.000.000)	12.100.000.000
TỔNG CỘNG	2.049.304	56.300.937.617	28.207.731	(4.523.248.748)	51.805.896.600

Tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính:

	Cuối năm	Đầu năm
Dự phòng giảm giá đầu năm	46.960.510.819	62.832.100.910
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh số 21)	9.132.169.465	6.247.659.691
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh số 21)	(51.569.431.536)	(22.119.249.782)
Dự phòng giảm giá cuối năm	4.523.248.748	46.960.510.819

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm cuối năm như sau:

Chi tiêu	VND									
	Số lượng		Giá gốc		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán thương mại	449.304	355.699	13.170.937.617	7.641.972.753	28.207.731	5.848.310	(493.248.748)	(1.184.086.164)	12.705.896.600	6.463.734.899
Cổ phiếu niêm yết	449.304	295.703	13.170.937.617	6.953.051.782	28.207.731	1.687.210	(493.248.748)	(885.980.093)	12.705.896.600	6.068.758.899
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu Khí Việt Nam (PVB)	321.000	-	9.368.160.000	-	-	-	(380.160.000)	-	8.988.000.000	-
Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền (BFC)	73.190	-	1.948.970.000	-	27.160.000	-	-	-	1.976.130.000	-
Công ty Cổ phần Trang (TFC)	54.000	-	1.837.780.000	-	-	-	(104.380.000)	-	1.733.400.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Biển và Bất động sản Việt Hải (VSP)	630	630	7.018.000	7.018.000	-	-	(6.451.000)	(5.884.000)	567.000	1.134.000
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	124	124	1.713.500	1.713.500	-	-	(1.019.100)	(684.300)	694.400	1.029.200
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 (SD7)	89	89	1.400.267	1.400.267	-	-	(545.867)	(385.668)	854.400	1.014.599
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao Su Miền Nam (CSM)	42	1	1.296.042	34.142	-	8.858	(258.642)	-	1.037.400	43.000
Cổ phiếu khác	229	294.859	4.599.808	6.942.885.873	1.047.731	1.678.352	(434.139)	(879.026.125)	5.213.400	6.065.538.100
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	59.996	-	688.920.971	-	4.161.100	-	(298.106.071)	-	394.976.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Trang trí Nội thất Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000	-	259.165.167	-	-	-	(179.165.167)	-	80.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	-	5.000	-	35.838.900	-	4.161.100	-	-	-	40.000.000
Công ty Cổ phần nhựa Sài Gòn	-	39.996	-	358.078.004	-	-	-	(118.102.004)	-	239.976.000
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam Vinaplast	-	5.000	-	35.838.900	-	-	-	(838.900)	-	35.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại	-	-	27.000.000.000	38.000.000.000	-	-	-	-	27.000.000.000	38.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	-	-	12.000.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	12.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	-	7.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-	-	7.000.000.000	17.000.000.000
Quý tín dụng Nhân dân Đồng Sài Gòn	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-	-	4.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	3.000.000.000	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-
Quý tín dụng Nhân dân Tây Sài Gòn	-	-	1.000.000.000	-	-	-	-	-	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	449.304	355.699	40.170.937.617	45.641.972.753	28.207.731	5.848.310	(493.248.748)	(1.184.086.164)	39.705.896.600	44.463.734.899

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm cuối năm như sau(tiếp theo):

Chi tiêu	VND									
	Số lượng		Giá gốc		Tăng so với giá thị trường		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị thị trường	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán sẵn sàng để bán										
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.600.000	3.144.447	16.130.000.000	68.562.171.856	-	-	(4.030.000.000)	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	-	90.000	-	2.665.170.000	-	-	-	-	-	2.665.170.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Bình	-	300.000	-	6.000.000.000	-	-	-	(4.740.000.000)	-	1.260.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	-	269.400	-	8.136.977.556	-	-	-	(7.221.017.555)	-	915.960.001
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tín Nghĩa	-	18.619	-	2.524.736.400	-	-	-	(2.301.308.400)	-	223.428.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng số 1	-	12.567	-	1.735.502.700	-	-	-	(1.609.832.700)	-	125.670.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	-	2.439.961	-	44.029.785.200	-	-	-	(26.462.066.000)	-	17.567.719.200
Công ty Bảo hiểm Viễn Đông	-	13.900	-	3.470.000.000	-	-	-	(3.442.200.000)	-	27.800.000
Công ty Cổ phần Ô tô Vinh Long	300.000	-	3.000.000.000	-	-	-	-	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất khẩu Lao động và Chuyên gia	1.300.000	-	13.130.000.000	-	-	-	(4.030.000.000)	-	9.100.000.000	-
TỔNG CỘNG	1.600.000	3.144.447	16.130.000.000	68.562.171.856	-	-	(4.030.000.000)	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn

VND

Chi tiêu	Số đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30)			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Trả trước cho người bán	32.890.000	-	-	7.660.676.975	(7.368.855.799)	324.711.176	-	-	-
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	3.329.392.770	-	-	204.334.976.019	(202.467.198.768)	5.197.170.021	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư (i)	3.311.498.003	-	-	180.976.211.578	(182.806.732.474)	1.480.977.107	-	-	-
- Phải thu Trung tâm Lưu ký về thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	17.894.767	-	-	23.358.764.441	(19.660.466.294)	3.716.192.914	-	-	-
3. Các khoản phải thu khác	87.443.651.332	82.347.995.056	82.347.995.056	14.697.148.793	(56.523.283.135)	45.617.516.990	44.201.336.024	44.201.336.024	44.201.336.024
- Các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu (ii)	39.996.410.640	39.996.410.640	39.996.410.640	61.700.000	(34.425.837.840)	5.632.272.800	5.632.272.800	5.632.272.800	5.632.272.800
- Các hợp đồng hỗ trợ thanh toán (iii)	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448	-	-	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448	37.998.255.448
- Lãi tiền gửi ngân hàng	420.684.594	-	-	3.266.168.105	(2.338.052.700)	1.348.799.999	-	-	-
- Tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán	3.782.521.192	3.782.521.192	3.782.521.192	-	(3.782.521.192)	-	-	-	-
- Dịch vụ quản lý tài sản khách hàng	4.578.047.308	-	-	10.779.080.565	(15.357.127.873)	-	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	667.732.150	570.807.776	570.807.776	590.200.123	(619.743.530)	638.188.743	570.807.776	570.807.776	570.807.776
TỔNG CỘNG	90.805.934.102	82.347.995.056	82.347.995.056	226.692.801.787	(266.359.337.702)	51.139.398.187	44.201.336.024	44.201.336.024	44.201.336.024

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.1 Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

- (i) Đây là khoản tiền Công ty tạm ứng trước cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán với mức lãi suất là 0,04%/ngày tính trên số tiền ứng trước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015.
- (ii) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập dự phòng 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.
- (iii) Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán phát sinh từ các năm trước được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán của nhà đầu tư. Công ty đã trích lập dự phòng 100% đối với các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.

7.2 Nợ quá hạn

Đối tượng	Thời gian quá hạn	VND			
		Cuối năm	Đầu năm		
		Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi		
Phải thu theo các hợp đồng mua và cam kết bán lại cổ phiếu		5.632.272.800	-	39.996.410.640	-
<i>Các cá nhân</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	5.632.272.800	-	24.128.181.121	-
<i>Công ty Cổ phần Tân Phú Thọ</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	-	-	15.868.229.519	-
Phải thu các cá nhân theo các hợp đồng hỗ trợ thanh toán	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	37.998.255.447	-	37.998.255.447	-
Phải thu tiền đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán				3.782.521.192	-
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	-	-	3.782.521.192	-
Phải thu ngắn hạn khác		570.807.777	-	570.807.777	-
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	529.277.777	-	529.277.777	-
<i>Tổ chức khác</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	41.530.000	-	41.530.000	-
TỔNG CỘNG		44.201.336.024	-	82.347.995.056	-

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

7.3 Tình hình trích lập các khoản phải thu khó đòi

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số dư đầu năm	82.347.995.056	84.513.640.979
Số hoàn nhập trong năm (<i>Thuyết minh số 22</i>)	(22.435.000.000)	(2.127.852.483)
Số dự phòng xử lý rủi ro	(15.711.659.032)	(37.793.440)
Số dư cuối năm	44.201.336.024	82.347.995.056

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Chi phí thuê đường truyền dẫn	125.372.962	84.720.000
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	10.951.047	11.007.886
Chi phí thuê kho	-	6.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.556.566	96.883.334
Số dư cuối năm	153.880.575	198.611.220

Thay đổi trong chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Số dư đầu năm	198.611.220	6.000.000
Tăng trong năm	2.743.847.451	2.071.069.972
Phân bổ trong năm	(2.788.578.096)	(1.878.458.752)
Số dư cuối năm	153.880.575	198.611.220

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đây là các khoản tạm ứng cho nhân viên phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> VND	<i>Máy móc thiết bị</i> VND	<i>Phương tiện vận tải</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	66.260.000	6.206.327.743	940.454.545	7.213.042.288
Tăng trong năm	-	386.100.000	-	386.100.000
Giảm trong năm	(66.260.000)	(2.661.397.993)	-	(2.727.657.993)
Số dư cuối năm	-	3.931.029.750	940.454.545	4.871.484.295
Giá trị hao mòn:				
Số dư đầu năm	66.260.000	5.941.076.354	39.185.606	6.046.521.960
Tăng trong năm	-	128.114.583	156.742.424	284.857.007
Giảm trong năm	(66.260.000)	(2.661.397.993)	-	(2.727.657.993)
Số dư cuối năm	-	3.407.792.944	195.928.030	3.603.720.974
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	-	265.251.389	901.268.939	1.166.520.328
Số dư cuối năm	-	523.236.806	744.526.515	1.267.763.321

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.232.979.750 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 5.960.637.743 VND)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm tin học</i> VND
Nguyên giá:	
Số dư đầu năm	7.488.985.064
Xóa sổ	(475.967.500)
Số dư cuối năm	7.013.017.564
Giá trị hao mòn:	
Số dư đầu năm	5.700.380.899
Tăng trong năm	1.026.488.965
Xóa sổ	(475.967.500)
Số dư cuối năm	6.250.902.364
Giá trị còn lại:	
Số dư đầu năm	1.788.604.165
Số dư cuối năm	762.115.200

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.080.241.564 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.189.469.550 VND)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí cải tạo văn phòng	1.244.433.307	-
Chi phí vật dụng văn phòng	606.761.642	18.423.611
Chi phí khác	12.486.007	21.760.481
TỔNG CỘNG	<u>1.863.680.956</u>	<u>40.184.092</u>

Thay đổi trong chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Số dư đầu năm	40.184.092	124.410.726
Tăng trong năm	2.007.369.295	18.950.000
Phân bổ trong năm	(183.872.431)	(103.176.634)
Số dư cuối năm	<u>1.863.680.956</u>	<u>40.184.092</u>

13. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên giá trị giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở giao dịch Chứng khoán được thanh toán qua thành viên lưu ký của năm liền trước, nhưng không quá 2.500 triệu đồng/năm với giới hạn tối đa về mức đóng góp là 20 tỷ đồng.

Biến động tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Số dư đầu năm	3.373.838.094	3.035.139.140
Lãi nhận được trong năm trong năm	193.687.019	338.698.954
Số dư cuối năm	<u>3.567.525.113</u>	<u>3.373.838.094</u>

14. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng hoạt động của Công ty.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm VND	Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm VND
		Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	165.151.610	448.863.444	(488.294.107)	125.720.947
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	40.715.519	349.818.154	(225.300.557)	165.233.116
Thuế giá trị gia tăng	1.818.182	16.081.817	(6.481.818)	11.418.181
Thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
TỔNG CỘNG	207.685.311	817.763.415	(723.076.482)	302.372.244

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phí dịch vụ chuyên môn	275.000.000	27.272.721
Thù lao Hội đồng quản trị (Thuyết minh số 24)	134.224.333	-
Phúc lợi nhân viên	142.282.000	-
Phí dịch vụ thuê ngoài	72.480.212	26.250.000
Phí môi giới	52.200.000	70.000.000
Chi phí phải trả khác	27.693.208	-
TỔNG CỘNG	703.879.753	123.522.721

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Cuối năm VND	Đầu năm (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Kinh phí công đoàn	-	13.297.500
Bảo hiểm xã hội	-	8.471.800
Bảo hiểm y tế	-	633.600
Bảo hiểm thất nghiệp	-	316.600
Phải trả cá nhân theo hợp đồng ủy thác	-	4.750.000.000
Phải trả tiền đặt cọc ủy thác đấu thầu	7.170.000	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.412.500	19.412.500
Phải trả khác	1.016.298.780	1.034.528.535
TỔNG CỘNG	1.042.881.280	5.826.660.535

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<i>Cuối năm</i> VND	<i>Đầu năm</i> (Trình bày lại - <i>Thuyết minh số 30</i>) VND
Tiền gửi của nhà đầu tư (<i>Thuyết minh số 4</i>)	11.675.585.000	14.298.786.504
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán với trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.296.648.525	7.260.488.000
Tiền đặt cọc môi giới mua trái phiếu (*)	380.000.000.000	380.000.000.000
TỔNG CỘNG	394.972.233.525	401.559.274.504

(*) Đây là khoản tiền nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong trong các năm trước để thực hiện các hợp đồng môi giới mua trái phiếu và có liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (xem thêm thông tin ở *Thuyết minh số 4*).

19. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Số lượng cổ phiếu đăng ký được cấp phép và đã phát hành như sau:

	<i>Số cuối năm</i> <i>Cổ phiếu</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.000.000	24.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000

20. DOANH THU KHÁC

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Năm trước</i> VND
Thu lãi tiền gửi ngân hàng	3.939.839.006	4.170.213.600
Doanh thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	38.053.100	49.908.260
Doanh thu hoạt động quản lý cổ đông	5.292.489	12.116.000
Doanh thu khác	12.545.455	10.181.817
TỔNG CỘNG	3.995.730.050	4.242.419.677

21. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Chi phí nhân viên	1.827.372.898	1.499.898.117
Chi phí thuê đường truyền dẫn	1.003.784.098	973.618.243
Chi phí môi giới chứng khoán	297.174.836	444.239.472
Chi phí thuê văn phòng	572.388.826	372.033.245
Chi phí khấu hao tài sản cố định	424.085.937	463.845.943
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán	53.063.517.702	17.131.502.728
Chi phí lưu ký chứng khoán	309.575.198	426.172.055
Chi phí tài chính	8.303.333	1.612.500
Chi phí tư vấn	-	77.240.853
Chi phí khác	3.118.340	63.386.994
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Thuyết minh số 6)	9.132.169.465	6.247.659.691
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán(Thuyết minh số 6)	(51.569.431.536)	(22.119.249.782)
TỔNG CỘNG	15.072.059.097	5.581.960.059

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Trình bày lại - Thuyết minh số 30) VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.853.207.118	3.754.987.205
Chi phí khấu hao tài sản cố định	887.260.035	926.018.587
Chi phí thuê văn phòng	1.123.109.010	742.875.846
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	398.802.698	308.344.716
Thuê, phí và lệ phí	269.364.136	447.002.629
Chi phí tiếp khách	278.260.067	359.383.062
Chi phí kiểm toán, tư vấn, bảo hành phần mềm	1.035.287.734	736.224.547
Chi phí xử lý nợ	1.079.000.000	-
Chi phí khác bằng tiền	1.214.355.729	905.746.469
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh số 7.3)	(22.435.000.000)	(2.127.852.483)
TỔNG CỘNG	(11.296.353.473)	6.052.730.578

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“TNDN”) với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	3.804.201.598	645.470.923
<i>Cộng:</i>		
- Chi phí không được khấu trừ	362.500.000	159.631.675
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	4.166.701.598	805.102.598
Lỗ năm trước chuyển sang	(4.166.701.598)	(805.102.598)
Thu nhập chịu thuế ước tính	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	-	-
Thuế TNDN phải trả cuối năm	-	-

23.2 Chuyển lỗ

<i>Năm</i> <i>phát sinh</i>	<i>Có thể</i> <i>chuyển lỗ</i> <i>đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến</i> <i>ngày 31/12/2015</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại</i> <i>ngày 31/12/2015</i>
2011	2016	32.653.225.297	(5.339.663.332)	27.313.561.965
2013	2018	117.007.801.565		117.007.801.565
TỔNG		149.661.026.862	(5.339.663.332)	144.321.363.530
CỘNG				

Số lỗ tính thuế từ năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được kiểm tra và quyết toán bởi cơ quan thuế.

23.3 Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do Công ty không thể dự tính được là sẽ có đủ lợi nhuận trong tương lai để sử dụng tài sản thuế thu nhập hoãn lại này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 28.864.272.706 đồng, chủ yếu phát sinh từ số lỗ tính thuế mang sang các năm sau.

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc	Bên liên quan	Thu nhập	1.620.203.221	1.202.138.700

Số dư với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i> <i>Phải thu/(phải trả)</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Diệp Trí Minh	Nguyên Tổng giám đốc	Phải thu dịch vụ quản lý tài sản khách hàng	-	1.658.584.928
Hội đồng quản trị	Bên liên quan	Thù lao	(134.224.333)	-

25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê các văn phòng cho trụ sở chính theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Cuối năm VND</i>	<i>Đầu năm VND</i>
Đến 1 năm	1.932.618.240	15.000.000
Từ 1 đến 5 năm	3.227.030.400	-
TỔNG CỘNG	5.159.648.640	15.000.000

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	3.804.201.598	645.470.923
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	158,51	26,89
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	158,51	26,89

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty thực hiện khung quản lý rủi ro toàn diện như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vì đa phần các khoản tiền gửi ngân hàng này có lãi suất cố định.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán hạch toán của Công ty).

Công ty không chịu rủi ro ngoại tệ do toàn bộ giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng đồng Việt Nam.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 12.705.896.600 đồng. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên lợi nhuận/ (lỗ) từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 4*. Ngoại trừ một số khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát sinh từ năm 2011, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

27. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất cứ thời điểm nào</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Số dư cuối năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	391.675.585.000	3.296.648.525	394.972.233.525
Chi phí phải trả	-	703.879.753	703.879.753
Phải trả ngắn hạn khác	1.000.000.000	2.079.734.899	3.079.734.899
	392.675.585.000	6.080.263.177	398.755.848.177
Số dư đầu năm			
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	394.298.786.504	7.260.488.000	401.559.274.504
Chi phí phải trả	-	123.522.721	123.522.721
Phải trả ngắn hạn khác	1.000.000.000	6.977.900.034	7.977.900.034
	395.298.786.504	14.361.910.755	409.660.697.259

Ngoại trừ khoản tiền đặt cọc môi giới mua chứng khoán nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong phát sinh trong các năm trước đây và liên quan đến khoản tiền gửi đã quá hạn thanh toán là 380 tỷ đồng hiện đang được cơ quan chức năng điều tra và xét xử lại, Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay ngân hàng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Tài sản đảm bảo

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản phải thu khách hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

28.1 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh do đó Ban Tổng Giám đốc quyết định không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và trình bày thông tin này.

28.2 Thông tin báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Phần bên dưới trình bày các thuyết minh bổ sung theo yêu cầu của Thông tư số 210/2009/TT-BTC đối với các công cụ tài chính:

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành một các loại sau:

- *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:*

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH(tiếp theo)

▪ *Các khoản cho vay và phải thu:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

▪ *Tài sản sẵn sàng để bán:*

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành:

▪ *Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ✓ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
 - ✓ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, đơn vị xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

▪ *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày so sánh giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>				<i>Giá trị hợp lý</i>		VND
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>		<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Nguyên giá</i>	<i>Dự phòng</i>			
Tài sản tài chính							
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh							
- <i>Chứng khoán thương mại</i>							
Cổ phiếu niêm yết	13.170.937.617	(493.248.748)	6.953.051.782	(885.980.093)	12.705.896.600	6.463.734.899	
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	688.920.971	(298.106.071)	-	390.814.900	
- <i>Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</i>							
Tiền gửi ngắn hạn	27.000.000.000	-	38.000.000.000	-	27.000.000.000	38.000.000.000	
Phải thu khác	51.139.398.187	(44.201.336.024)	90.805.934.102	(82.347.995.056)	(*)	(*)	
Các khoản đầu tư tài chính sẵn sàng để bán							
Cổ phiếu chưa niêm yết	16.130.000.000	(4.030.000.000)	68.562.171.856	(45.776.424.655)	12.100.000.000	22.785.747.201	
Tiền và các khoản tương đương tiền	417.532.648.157	-	408.740.943.430	-	(*)	(*)	
Tổng cộng	524.972.983.961	(48.724.584.772)	613.751.022.141	(129.308.505.875)			
Nợ phải trả tài chính							
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	394.972.233.525	-	401.559.274.504	-	(*)	(*)	
Chi phí phải trả	427.373.420	-	123.522.721	-	(*)	(*)	
Phải trả ngắn hạn khác	3.079.734.899	-	7.955.180.534	-	(*)	(*)	
Tổng cộng	398.479.341.844	-	409.637.977.759	-			

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính này là không thể xác định được do Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tính toán giá trị hợp lý.

29. THUYẾT MINH BỔ SUNG THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán là giá niêm yết và giao dịch trên sàn Upcom tại ngày lập báo cáo tài chính.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với các chuẩn mực kế toán, các qui định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán. Chi tiết như sau:

Trích từ Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số liệu đã báo cáo VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Số liệu trình bày lại VND</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	446.740.943.430	(38.000.000.000)	408.740.943.430
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(i)	7.641.972.753	38.000.000.000	45.641.972.753
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(ii)	11.936.553.528	(11.936.553.528)	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	(ii)	17.894.767	3.311.498.003	3.329.392.770
Phải thu ngắn hạn khác	(ii)	78.818.595.807	8.625.055.525	87.443.651.332
<i>Ảnh hưởng đối với tổng tài sản</i>			<u>-</u>	
Phải trả ngắn hạn khác	(iii)	27.360.887.539	(21.534.227.004)	5.826.660.535
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(iii)	380.005.635.000	21.553.639.504	401.559.274.504
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	(iii)	2.170.651.999	(19.412.500)	2.151.239.499
<i>Ảnh hưởng đối với nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</i>			<u>-</u>	

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số liệu đã báo cáo VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Số liệu trình bày lại VND</i>
Chi phí hoạt động kinh doanh	(iv)	4.043.121.207	1.538.838.852	5.581.960.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(iv)	7.591.569.430	<u>(1.538.838.852)</u>	6.052.730.578
Ảnh hưởng đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			<u><u>-</u></u>	

- (i) Phân loại lại các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng trên 3 tháng sang khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn.
- (ii) Phân loại các khoản phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư sang khoản mục phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác quá hạn sang khoản mục phải thu ngắn hạn khác.
- (iii) Phân loại tiền gửi của nhà đầu tư sang khoản mục phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu sang khoản mục phải trả ngắn hạn khác.
- (iv) Phân loại lại chi phí khấu hao, chi phí lương, chi phí thuê văn phòng và chi phí thuê đường truyền dẫn liên quan đến hoạt động kinh doanh và hoạt động quản lý của Công ty.

30. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ báo cáo lưu chuyển tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	<i>Số liệu đã báo cáo VND</i>	<i>Phân loại lại VND</i>	<i>Số liệu trình bày lại VND</i>
Hoàn nhập các khoản dự phòng	(18.037.236.014)	37.793.440	(17.999.442.574)
Lỗ từ hoạt động đầu tư	(7.694.979.264)	16.776.538.906	9.081.559.642
Chi phí lãi vay	21.056.944	(19.444.444)	1.612.500
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(23.675.822.881)	16.794.887.902	(6.880.934.979)
Giảm các khoản phải thu	58.151.558.670	385.134.514	58.536.693.184
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư ngắn hạn	-	(44.192.059.241)	(44.192.059.241)
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	(47.372.715.149)	1.798.630.890	(45.574.084.259)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.958.293.542.312	(1.958.293.542.312)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.956.453.494.162)	1.956.430.126.866	(23.367.296)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(22.281.350.847)	(27.076.821.381)	(49.358.172.228)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(18.618.506.600)	18.618.506.600	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	53.163.526.669	(29.202.986.265)	23.960.540.404
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	7.371.170.120	(338.698.954)	7.032.471.166
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	41.027.422.008	(10.923.178.619)	30.104.243.389
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	18.746.071.161	(38.000.000.000)	(19.253.928.839)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	427.994.872.269	(380.000.000.000)	47.994.872.269
Tiền và tương đương tiền cuối năm	446.740.943.430	(418.000.000.000)	28.740.943.430

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Nguyễn Thị Khánh Hòa
Người lập



Nguyễn Thị Lệ Tùng
Kế toán Trưởng



Nguyễn Trát Minh Phương
Quyền Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2016